

CÂU ĐẶC BIỆT TRONG “37 TRUYỆN NGẮN NGUYỄN THỊ THU HUỆ”

Trịnh Quỳnh Đông Nghi

Nhận bài:

25 – 03 – 2015

Chấp nhận đăng:

01 – 11 – 2015

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Tóm tắt: Một hiện tượng ngôn ngữ chỉ thể hiện và phát huy hiệu quả nghệ thuật trong từng ngữ huống cụ thể. Câu đặc biệt là một cấu trúc câu khác thường và mang nhiều dụng ý của người sử dụng cũng như những hiệu quả đa chiều đối với người tiếp nhận. Sự khác biệt về cấu trúc câu này được Nguyễn Thị Thu Huệ vận dụng sáng tạo trong truyện ngắn của mình nhằm thể hiện nhiều nội dung từ từ có giá trị. Vì lí do đó chúng tôi chọn “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ” làm ngữ liệu để khảo sát và khai thác giá trị từ từ của câu đặc biệt.

Từ khóa: câu đặc biệt; ngữ huống; cấu trúc; ngữ liệu; giá trị từ từ

1. Đặt vấn đề

Câu không phải là đơn vị cố sẵn mà là một đơn vị do người nói dùng từ hoặc ngữ cấu tạo nên trong quá trình suy nghĩ, thông báo. Câu đặc biệt là một cấu trúc câu khác thường và mang nhiều dụng ý của người sử dụng cũng như những hiệu quả ý nghĩa đa chiều đối với người tiếp nhận.

Trên văn đàn văn học Việt Nam sau 1975, Nguyễn Thị Thu Huệ là một cây bút nữ độc đáo và tài hoa. Những trang văn của chị giản dị nhưng có tính gợi sâu xa. Khép lại cuốn sách với văn Nguyễn Thị Thu Huệ chưa bao giờ là kết thúc, mà đó là sự dai dẳng của cảm xúc, của suy ngẫm. So với nhiều tác giả đồng đại, Nguyễn Thị Thu Huệ không nói nhiều về sex, văn chị chừng mực, đi vào những vấn đề nhân bản nhưng không tầm thường mà đậm chất nhân văn. Ít khai thác những ngữ liệu “nóng”, Nguyễn Thị Thu Huệ dành nhiều tâm huyết trong việc trau chuốt nghệ thuật tác phẩm. Điều đó giúp Nguyễn Thị Thu Huệ lặng lẽ ghi dấu ấn của mình trong lòng độc giả yêu văn, kể cả những độc giả khó tính nhất. Đến với tác phẩm Nguyễn Thị Thu Huệ, người đàn bà tìm thấy mình còn người đàn ông thì nhận ra mình. Đạt được hiệu quả lớn lao đó phải khẳng định ý

nghĩa của những biện pháp tu từ mà chị sử dụng trong quá trình kiến tạo tác phẩm của mình, mà một trong những đóng góp không thể không kể đến đó là câu đặc biệt được sử dụng với tần số lớn.

Một hiện tượng ngôn từ chỉ thể hiện và phát huy hiệu quả nghệ thuật trong từng ngữ huống cụ thể. Câu đặc biệt cũng vậy, sự khác biệt về cấu trúc câu này chỉ thực sự thể hiện giá trị khi đặt vào giữa tác phẩm. Vì lí do đó chúng tôi chọn “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ” làm ngữ liệu để khảo sát và khai thác giá trị từ từ của câu đặc biệt.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Câu đặc biệt

Quan điểm ngữ pháp học truyền thống xác định câu đặc biệt trên cơ sở cấu trúc chủ vị của câu, trong đó so sánh sự khác biệt về cấu trúc giữa câu đơn bình thường và câu đơn đặc biệt. Trong cuốn “Ngữ pháp tiếng Việt”, Đỗ Thị Kim Liên đưa ra khái niệm câu đặc biệt là câu “được làm thành từ một từ hoặc một cụm từ” [4, tr.119].

Diệp Quang Ban thì định nghĩa: “Câu đơn đặc biệt là kiến trúc có một trung tâm cú pháp chính (có thể có thêm trung tâm cú pháp phụ), không chứa hay không hàm ẩn một trung tâm cú pháp thứ hai có quan hệ với nó như là quan hệ giữa chủ ngữ với vị ngữ.” [2, tr.153].

Về mặt cấu tạo, tác giả Diệp Quang Ban gần như đồng nhất với Đỗ Thị Kim Liên khi cho rằng: “Câu đơn đặc biệt được làm thành từ một từ hoặc một cụm từ (trừ

* Liên hệ tác giả

Trịnh Quỳnh Đông Nghi

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: nghitrinhh@gmail.com

cụm từ chủ - vị). Các từ loại thường gặp ở đây là danh từ và vị từ (động từ, tính từ) [2, tr.152].

Từ góc độ ngữ pháp chức năng, Cao Xuân Hạo quan niệm: “Câu đặc biệt là câu không có cấu trúc Đề - Thuyết” [3, tr.83]. Như vậy, câu đặc biệt không phải là câu một phần, phần hiển thị trên văn bản không phải là phần Đề hoặc Thuyết vì nó không biểu thị một phần Thuyết hay phần Đề của mệnh đề nào.

Như vậy, có thể hiểu rằng câu đặc biệt được cấu tạo từ một từ hoặc một cụm từ (danh ngữ, tính ngữ). Ở đây, chúng tôi đồng nhất quan điểm của Diệp Quang Ban và Cao Xuân Hạo, nhìn nhận câu đặc biệt trong sự khu biệt với câu dưới bậc, hay câu một phần, hay nói cách khác, câu đặc biệt không bao hàm câu tỉnh lược như trong phân loại của Đỗ Thị Kim Liên [3, tr.120]. Câu đặc biệt là câu hoàn chỉnh về mặt ngữ pháp, có nội dung tương đối độc lập trong khi câu dưới bậc có tính chất nhấn mạnh và lệ thuộc vào các câu trước, sau nó.

Từ những quan niệm khác nhau về câu đặc biệt dẫn đến sự phân loại cũng không thống nhất.

Căn cứ vào chức năng, Cao Xuân Hạo phân câu đặc biệt thành bốn loại chính là cảm thán, gọi đáp, gọi tên, trong thanh.

Căn cứ theo thành tố chính cấu tạo nên câu đặc biệt, Đỗ Thị Kim Liên và Diệp Quang Ban phân câu đặc biệt thành hai loại chính là câu đặc biệt – danh từ và câu đặc biệt – vị từ. Trong bài viết của mình, chúng tôi dựa trên sự phân loại này để khảo sát câu đặc biệt trong “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ”.

2.2. Kết quả khảo sát câu đặc biệt trong “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ”

Khảo sát câu đặc biệt trong “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ” chúng tôi thu được Bảng 1.

Chúng tôi cũng đã tiến hành khảo sát một số kiểu câu khác trong tập truyện của Nguyễn Thị Thu Huệ như câu với tư cách lời trao đổi hay câu có thành phần chú thích. Động tác này nhằm làm rõ mối quan hệ của câu đặc biệt với các kiểu câu có giá trị tu từ cao từ đó thấy được dụng ý của tác giả trong việc lựa chọn kiểu câu. Kết quả khảo sát cho ta Bảng 2.

Bảng 1. Thống kê số lượng câu đặc biệt trong “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ”

STT	Tác phẩm	Số lượng
1	Tân cảng	56
2	Huyền thoại	19
3	Xin hãy tin em	6
4	Nước mắt đàn ông	32
5	Còn lại một vầng trăng	24
6	Dĩ vãng	113
7	Thiếu phụ chưa chồng	110
8	Rượu cúc	77
9	Tình yêu ơi, ở đâu?	68
10	Biển ấm	152
11	Hoa nở trên trời	91
12	Hoàng hôn màu cỏ úa	90
13	Một trăm linh tám cây bằng lăng	189
14	Người đàn bà ám khói	33
15	Phù thủy	162
16	Chị tôi	31
17	Cửa để dành	82
18	Người đi tìm giấc mơ	107
19	Sori đắng	37
20	Ám ảnh	115
21	Thành phố không mùa đông	78
22	Lời thì thầm của mùa xuân	25
23	Cầu thang	82
24	Người xưa	49
25	Một chuyến đi	181
26	Những đêm thấp sáng	79
27	Đôi giày đỏ	61
28	Minu xinh đẹp	233
29	Hình bóng cuộc đời	36
30	Đêm dịu dàng	42
31	Giai nhân	115
32	Mùa thu vàng rực rỡ	70
33	Một nửa cuộc đời	51
34	Cát đọi	33
35	Hậu thiên đường	95
36	Cõi mê	130
37	Nào, ta cùng lãng quên	82
Tổng cộng		3036

Bảng 2. Tương quan số lượng của các kiểu câu có giá trị tu từ trong “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ”

STT	Tác phẩm	Câu đặc biệt	Số lượng	
			Câu với tư cách	Câu có thành

			lời trao đổi	phần chú thích
1	Tân cảng	56	33	1
2	Huyền thoại	19	42	1
3	Xin hãy tin em	6	104	11
4	Nước mắt đàn ông	32	175	9
5	Còn lại một vầng trăng	24	100	11
6	Dĩ vãng	113	58	2
7	Thiếu phụ chưa chồng	110	119	2
8	Rượu cúc	77	70	1
9	Tình yêu ơi, ở đâu?	68	46	6
10	Biển ấm	152	60	3
11	Hoa nở trên trời	91	24	3
12	Hoàng hôn màu cỏ úa	90	17	4
13	Một trăm linh tám cây bàng lãng	189	136	4
14	Người đàn bà ám khói	33	129	0
15	Phù thủy	162	98	1
16	Chị tôi	31	19	1
17	Cửa để dành	82	105	2
18	Người đi tìm giấc mơ	107	29	8
19	Sori đắng	37	52	3
20	Ám ảnh	115	146	5
21	Thành phố không mùa đông	78	72	4
22	Lời thì thầm của mùa xuân	25	42	4
23	Câu thang	82	32	2
24	Người xưa	49	43	7
25	Một chuyến đi	181	125	8
26	Những đêm thấp sáng	79	30	4
27	Đôi giày đỏ	61	37	3
28	Minu xinh đẹp	233	265	20
29	Hình bóng cuộc đời	36	67	11
30	Đêm dịu dàng	42	22	1
31	Giai nhân	115	37	3
32	Mùa thu vàng rực rỡ	0	265	0
33	Một nửa cuộc đời	51	78	1
34	Cát đọi	33	18	1
35	Hậu thiên đường	5	7	4
36	Cối mê	130	52	3
37	Nào, ta cùng lãng quên	82	32	4
Tổng cộng		3036	2816	158

Nghệ thuật truyện ngắn với Nguyễn Thị Thu Huệ như là một sự thể nghiệm những cách tân. Số lượng các kiểu câu khác thường mà chúng tôi khảo sát được ở các bảng trên (câu đặc biệt, câu có thành phần giải thích, câu với tư cách lời trao đổi) đã minh chứng cho điều đó. Chị sử dụng với tần suất dày đặc các câu có hiệu quả tu từ cao trong văn bản của mình. Trong đó, Nguyễn Thị Thu Huệ đã chú trọng đến câu đặc biệt với tỉ lệ xuất hiện nhiều hơn hẳn các kiểu câu khác. Tần số xuất hiện

câu đặc biệt gấp 19,2 lần so với câu có thành phần chú thích và 1.08 lần so với câu với tư cách lời trao đổi. Tần xuất trên không những đã phủ định hoàn toàn tính ngẫu nhiên mà còn góp phần khẳng định một dụng ý rất rõ ràng của ngòi bút Nguyễn Thị Thu Huệ trong việc vận dụng tu từ cú pháp.

2.3. Giá trị tu từ của câu đặc biệt trong “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ”

2.3.1. Nhịp điệu trần thuật gấp gáp, dồn dập

Sự xuất hiện dày đặc của cấu trúc câu đặc biệt với 3036 lần trong tác phẩm đã giúp Nguyễn Thị Thu Huệ tạo nên một nhịp điệu trần thuật gấp gáp, dồn dập, sự kiện diễn biến một cách bất ngờ, đột ngột. Với “37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ”, câu đặc biệt đã thực sự vươn mình trở thành kiểu câu nhiều chức năng, trong đó phát huy tác dụng ở chức năng thông tin.

Câu đặc biệt miêu tả sự kiện nhanh, gọn, đầy đủ và có tác dụng nhấn mạnh tâm trạng nhân vật một cách sắc sảo: “Rồi đêm cũng qua. Tôi dậy, đầu đau buốt. Có cảm giác nhà rất đông người. Phòng bác có cả mấy người đang bàn bạc. Ngoài sân, trong bếp đều có người. Họ đo. Họ tính. Ngôi nhà giống như ở công trường. Mẹ vẫn ngồi trong bếp. Lại nước mắt” [1, tr.484].

Cảm giác phải xa ngôi nhà là một sự đau đớn như mất đi người thân yêu nhất. Nhân vật “tôi” đã “khóc như điên dại”, tưởng chừng như khi đêm qua, nước mắt cũng rơi nhưng đập vào mắt “tôi” khi mới tỉnh dậy vẫn là hình ảnh mẹ ngồi trong bếp và “lại nước mắt”. “Lại nước mắt” – một sự nhấn mạnh tâm trạng, rõ ràng nhưng cũng đầy ám ảnh.

Người mẹ trong “Hậu thiên đường” đã đau đớn khi biết rằng mình đã để mất con gái, đã để nó rơi vào “hậu thiên đường” – địa ngục ngay trong giấc mơ bé bỏng giữa trần gian. Tâm trạng hỗn loạn, đầy đau đớn và sự bất lực của thiên chức người mẹ đã được Nguyễn Thị Thu Huệ đặc tả bằng những pha lướt máy nhanh: “Giống như người điên. Lại giống như kẻ bị mất của. Cũng như người đánh xổ số, chỉ trạch một số cuối cùng của giải độc đắc. Cuồng điên. Tiếc nuối. Bất lực. Tôi lao ra đường. Những khuôn mặt chạy ngược lại tôi. Nhặt nhòa. Ai cũng mang khuôn mặt con gái.” [1, tr.472]

Đó là tâm trạng của một anh lính trở về thăm lại thủ trường cũ sau chiến tranh. Đó là khung cảnh: “Khu vườn sáng xanh ánh trắng. Tôi rùng mình. Cả tôi. Ông. Hai con vẹt Hồng Kông lách chích nơi góc vườn. Các loại hoa. Nhưng gia đình còn trùng. Nhưng ngôi mộ đều xa hút. Có cảm giác chúng tôi ở trên cung trăng. Yên bình. Tinh khiết đến nỗi. Ngay cả thờ. Cũng phải dè dặt.” Nguyễn Thị Thu Huệ sử dụng một loạt câu đặc biệt giống như một trinh thám cứ đi theo kẻ bị tình nghi – anh lính để chớp lấy từng khoảnh khắc, từ góc độ ánh mắt hay thái độ của anh đều được nhà văn ghi lại.

Bữa nhậu mâm đồ nhà hàn huyền giữa hai người đàn ông khiến kỉ niệm ùa về trong Linh như sóng tràn bờ - đời lính của anh chỉ mới chín mươi ba ngày : “Tất cả ra về. Run rẩy. Nhão nhược. Tôi nhìn trời. Cao vút, không một gợn mây như thể trận mưa mấy hôm trước tan hết mây rồi. Trời cao xanh và dửng dưng”. Kỉ ức trở về bao giờ cũng gấp gáp và đi qua rất nhanh như thế!

Nguyễn Thị Thu Huệ rất quyết liệt trên trang viết, “thích nhìn rõ mọi chi tiết của đời sống, và đã nhìn thấy rồi thì tìm mọi cách để đẩy mọi thứ đến tận cùng” [7, tr.204]. Lối viết ấy cùng với việc sử dụng câu đặc biệt với mật độ lớn trong hầu hết các truyện khiến nhịp điệu bị căng ra, dồn nén: “Tôi đi. Bờ sông cao. Khô khốc. Dưới kia. Nước sông Hồng đỏ đặc phù sa. Cuộc sống êm đềm. Lờ lững. Tôi bỏ qua những ánh mắt nhìn mình, đến những bãi cỏ xanh. Và ngồi xuống. Có tiếng hò reo:- Xem điên chúng mày ơi. Điên chúng mày kia.” [1, tr.250]

Câu đặc biệt của Nguyễn Thị Thu Huệ càng lúc càng day dứt, đơ đỏi và khô vắng hơn: “Mãi mãi trong sương. Trong khói. Trong hun hút. Đường dài. Bến phà hiện ra. Nước trôi lừ lừ. Vài cụm bèo dạt về phía cuối dòng dưới tấm voan trắng trải rộng... Im lặng. Họ cùng mở cửa ra ngoài. Gió biển mặn thốc vào mặt. Có mùi tanh. Mùi mặn. Mùi mát. Chị rùng mình. Như tiếng anh gọi lại. Đằng sau.” [1, tr.120]

Cuộc sống gia đình vắng bóng người đàn ông chông chênh quá, cái cảm giác của người đàn bà khi ngồi vào mâm cơm bên nào cũng lệch. Chồng chị đã mãi mãi gửi thân vào biển không về. Đến với biển, với chị là hành trình trở về nỗi nhớ. Hạnh phúc mới của người đàn bà bốn mươi ấy đâu có dung dị, đậm đà bao nhiêu cũng không tránh được những lúc kỉ ức ùa về, lòng chị day dứt. Nguyễn Thị Thu Huệ đã dùng câu đặc biệt làm phương tiện khắc họa tâm trạng ấy rất nhân bản và rất đàn bà.

Mật độ lớn câu đặc biệt trong cả 37 tác phẩm của tập truyện đã giúp Nguyễn Thị Thu Huệ đi ra khỏi nhịp điệu trần thuật thông thường. Gấp gáp, dồn dập, bất ngờ, có lúc day dứt, ám ảnh là nhịp điệu mà nữ nhà văn đã đặc tả trong hầu hết 37 truyện ngắn của mình.

2.3.2. Lột tả chân thực bức tranh xã hội thời hiện đại

37 truyện ngắn trong tập truyện của Nguyễn Thị Thu Huệ là cái biểu hiện mà chị đã chọn để phác họa bức tranh cuộc sống. Bằng một tâm hồn mẫn cảm nhà văn, Nguyễn Thị Thu Huệ đã mô tả các phương diện

cuộc sống qua những trang văn, qua từng câu chuyện một cách khéo léo. Truyện ngắn của chị là cuộc sống hiện đại nóng bỏng, hỗn loạn nhưng cũng không kém phần tha thiết. Và có thể thấy mật độ dày câu đặc biệt đã chuyển tải dụng ý của nhà văn. Đó là hình ảnh những người phụ nữ rất khác nhau, là mẹ già, là những người thiếu phụ, những thiếu nữ và cả những cô bé. Tất cả họ hiện lên sinh động qua từng hoạt cảnh. Những con người có tên như bà Vy trong "Cửa để dành", mà mẹ của Thanh trong "Ám ảnh", người mẹ không tên trong "Hậu thiên đường", thiếu phụ trong "Rượu cúc", cô gái tên My trong "Thiếu phụ chưa chồng", rồi cả Quyên, Phượng... mỗi người mang một nỗi đau riêng. Tên họ khác, hoàn cảnh khác nhưng mẫu số chung là những nỗi đau thì đã trở thành hằng số.

Dành dụm một đời nhưng bà Vy không thể nương tựa vào con khi đau ốm. Đau lòng thay khi "cửa để dành" của bà chăm sóc bà trong miễn cưỡng, nặng nề. Còn mẹ Thanh được các con hết mực thương yêu thì chồng lại đi bỏ một cách công khai. Phần mảnh cuộc đời đó là Trân, cô gái có sở thích đếm từng bậc cầu thang để đến bên người mình yêu: "Rồi Trân sốt ruột. Buổi trưa về ăn cơm. Buổi chiều. Leo đủ bảy tầng gác để rèn nghị lực và rồi. Đến anh. Qua sáu mươi tám bậc thang gỗ." [1, tr.311]. Anh ta luôn mang đến cho cô những bất ngờ đằng sau bậc thang sáu mươi tám.

Những người phụ nữ có thể lớn tuổi, nhỏ tuổi, có thể đang làm vợ hay là thiếu phụ chưa chồng, là những quả phụ, là những thiếu nữ... nhưng họ đều khao khát yêu, mơ tưởng hạnh phúc. Nhưng mơ rồi tỉnh, câu đặc biệt xuất hiện giữa đoạn như là nhắc nhở thực tại, tình yêu, hạnh phúc chỉ là giấc mơ: "Nó lùi người lại. Chùi nước mắt. Đi ra đứng giữa hai hàng ghế. Nhìn. Mẹ nó cũng đang gục xuống khóc." [1, tr.19]

Câu đặc biệt là phương tiện hữu ích cho Nguyễn Thị Thu Huệ trong việc khắc họa những nỗi đau cuộc sống một cách đặc biệt, khác thường ngay trên chính những lối mòn đề tài cũ. Cuộc sống thời hậu chiến đối với người lính đôi khi chỉ là những mảnh vỡ kí ức: "Ổ chốt ngày thứ ba. Bốn thẳng trúng đạn nằm xuống. Còn nhớ. Hôm ấy buổi chiều. Trời bỗng khô một cách kì lạ. Chúng tôi đào bốn cái huyệt cạnh nhau, vừa đào vừa khóc lặng lẽ. Có người ngời ngấn răng. Ông Xung thay quần áo và quán cho mỗi người một mảnh ni lông. Ông báo. Ngày hòa bình. Lên tìm mộ còn có mảnh xương mang về

hương khói. Sáu giờ. Tất cả tiến hành lễ hạ huyệt. Im lìm. Trầm mặc và đau đớn" [1, tr.81]. Mỗi câu đặc biệt là một mảnh kí ức lần lượt hiện về trong những người lính. Sống giữa thời bình nhưng dường như chính mảnh rời quá khứ ấy mới là chỗ bám trụ của họ.

Hình ảnh cô đơn ngày giữa tổ ấm của những đứa trẻ trong "Tân cảng" hay "Phù thủy" để lại nhiều xót thương cho người đọc về những cảnh thực hữu trong cuộc sống quanh ta. Khi em thấy: "Phù thủy. Nó biết. Nó đã thành phù thủy." cũng là lúc em rời bỏ tuổi thơ không bình yên của mình.

Nguyễn Thị Thu Huệ đã nhạy bén và khéo léo khi mang vào tác phẩm của mình những phương diện khác nhau của một thế giới sống động. Trong đó có thể nói câu đặc biệt là phương tiện truyền tải độc đáo có tác dụng khơi gợi nhiều suy ngẫm trong người đọc.

Truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ quả là "mặt cắt giữa một thân cây cổ thụ" để qua đó người đọc "thấy cả cuộc đời của thảo mộc" hay nói như nhà văn Lỗ Tấn là "chỉ trong chốc lát nhưng có thể qua màng lông mà biết toàn con báo, qua một con mắt mà truyền được tinh thần".

2.3.3. Định hình cá tính sáng tạo

Cá tính sáng tạo là nét riêng, nét độc đáo của nhà văn trong sáng tác. Khái niệm sáng tạo không dành cho "những người thợ khéo tay" quen dẫm lên lối mòn. Cá tính thì không nhàn nhạt, "mờ mờ nhân ảnh". Trong văn học, cá tính sáng tạo là đặc trưng nhận diện và phân biệt các nhà văn.

Theo M.B. Khrapchenko – nhà lí luận văn học xuất sắc thế kỉ XX thì "cá tính sáng tạo của nhà văn thể hiện trong những khía cạnh khác nhau của nghệ thuật của nhà văn đó" [5, tr.221]. Tác phẩm Nguyễn Thị Thu Huệ được kiến tạo nên từ nhiều yếu tố nội dung và hình thức. Hình thức nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ không đơn thuần chỉ có câu đặc biệt. Tuy nhiên ở bài viết này, chúng tôi khảo sát tần suất của câu đặc biệt trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ và bước đầu nhận thấy đây là một yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ đến lối viết của nữ nhà văn này.

Với những giá trị tu từ của mình, câu đặc biệt thường góp mặt trong nhiều tác phẩm văn học. Tuy nhiên với mật độ dày đặc như truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ thì không có nhiều. Tương quan tần suất này không những hoàn toàn phủ nhận tính ngẫu nhiên của

câu đặc biệt trong tác phẩm Nguyễn Thị Thu Huệ mà còn khẳng định dụng ý của tác giả khi ưu ái cho sự xuất hiện của nó.

Câu đặc biệt của Nguyễn Thị Thu Huệ thường ngắn, dưới mười âm tiết. Nhà văn nữ này có lẽ chú trọng tính gãy gọn, dứt khoát trong diễn đạt. Bên cạnh đó Nguyễn Thị Thu Huệ đặt câu đặc biệt thành một chuỗi liên tiếp. Tính nhấn mạnh vì thế cũng được đẩy lên cấp độ cao hơn.

Chọn câu đặc biệt như là một phương tiện đắc ý trong diễn đạt, Nguyễn Thị Thu Huệ dường như muốn khai thác đối tượng ở từng khía cạnh vi mô nhất. Đồng thời, chị luôn khai thác đến tận cùng, quyết liệt trong việc đẩy đối tượng lên đến đỉnh điểm. Vì thế có nhà văn đã từng nhận định Nguyễn Thị Thu Huệ có “lối viết quyết liệt”, nhiều người đọc đồng tình với điều đó. Bản thân người viết thì nghĩ sự quyết liệt đó là phần lớn đóng góp của câu đặc biệt.

Nguyễn Thị Thu Huệ sử dụng nhiều câu đặc biệt, ở nhiều dạng khác nhau, có câu tạo nên tính gấp gáp, dồn dập, có câu nhằm mục đích nhấn mạnh, có câu thì day dứt, ám ảnh... Có thể thấy, sự lưu tâm của chị đã khai thác những sắc thái đa dạng, những hiệu quả tu từ khác nhau của câu đặc biệt.

Tuy nhiên sẽ khiên cưỡng khi nhận định rằng câu đặc biệt hoàn toàn mang lại giá trị nghệ thuật cho truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ. Mật độ quá dày câu đặc biệt so với dung lượng nhỏ của truyện ngắn; không chỉ vậy, Nguyễn Thị Thu Huệ còn kết hợp câu đặc biệt với số lượng không nhỏ các kiểu câu khác – không bình thường như câu có thành phần chú thích hay câu với tư cách lời trao đổi khiến cho không ít truyện trở nên rối rắm, khó tiếp nhận. Trong khi đó không phải tất cả câu đặc biệt trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ đều phát huy giá trị, nhiều trường hợp chêm câu không mang lại hiệu quả tu từ.

Tuy nhiên, trong các sáng tác về sau này với phong cách sáng tác mới Nguyễn Thị Thu Huệ đã dần tiết chế nhược điểm này để phát huy hiệu quả hơn giá trị tu từ của câu đặc biệt.

37 truyện ngắn với những bản thảo, trần trụi, day dứt và cả nước mắt của người đọc từ một giọng điệu riêng, nghệ thuật riêng như vậy rõ ràng Nguyễn Thị Thu Huệ đã thành công. Chị đã định hình cho mình một cá tính riêng giữa làng văn. Cái mới chưa chắc đã hay

nhưng cái hay trước hết phải mới, mật độ dày câu đặc biệt là một thử nghiệm nghệ thuật đáng trân trọng của Nguyễn Thị Thu Huệ.

3. Kết luận

Nguyễn Thị Thu Huệ đã “viết ngay những câu văn đầy tham vọng... bất chấp cả ngữ pháp thông thường” [7, tr.204]. Chị tạo cho mình một thế giới độc đáo với lối viết văn không giống ai, nhất là trong cấu trúc cú pháp. Chị sử dụng câu đặc biệt với số lượng rất lớn nhằm đẩy tất cả lên đến tận cùng, tạo nhịp điệu gấp gáp, đột ngột. Sự lặp lại có chủ ý kiểu câu này tạo nên dấu ấn và những hiệu quả cú pháp hết sức độc đáo. Với câu đặc biệt, Nguyễn Thị Thu Huệ đã để lại nhiều trần trụi trong lòng người đọc, mở ra những chiều kích mới mẻ đằng sau ngôn từ hiển hiện trên văn bản. Truyện ngắn là loại có dung lượng nhỏ, Nguyễn Thị Thu Huệ cũng không “vượt biên” về dung lượng, thế nhưng đằng sau tác phẩm của mình chị đã mở ra một thế giới đa chiều, phản ánh một hiện thực cuộc sống ngồn ngộn như chính bản thân nó. Có thể thấy, câu đặc biệt đã góp phần tạo nên một Nguyễn Thị Thu Huệ phong cách đáo đẽ, sắc sảo và tài hoa.

Câu đặc biệt với tần số xuất hiện dày đặc, sự kết hợp cú pháp linh hoạt độc đáo, Nguyễn Thị Thu Huệ đã làm nên những sắc thái tu từ mới của cấu trúc cú pháp này. Bằng câu đặc biệt, chị đã tạo nên một lối viết mới mẻ, đậm dấu ấn cá tính sáng tạo. Dĩ nhiên, nếu liều lượng tiết giảm đôi chút thì hẳn là tác phẩm của chị sẽ tròn đầy hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Thu Huệ (2006), 37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ, Nxb Văn Học.
- [2] Diệp Quang Ban (1998), Ngữ pháp tiếng Việt – tập hai, Nxb Giáo dục.
- [3] Cao Xuân Hạo (chủ biên) (2003), Câu trong tiếng Việt, Nxb Giáo dục.
- [4] Đỗ Thị Kim Liên (2002), Ngữ pháp tiếng Việt, Nxb Giáo dục.
- [5] M.B.Khrapchenko (2002), Những vấn đề lí luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Thị Minh Thái (2005), Con mắt xanh, Nxb Thanh niên.

SPECIAL SENTENCES IN “THIRTY SEVEN SHORT STORIES” BY NGUYEN THI THU HUE

Abstract: A linguistic phenomenon only presents and promotes its art efficiency in some special contexts. A special sentence is one that has unusual structure and carries out many purposes of users as well as achieve the efficiency for recipients. The differences of special sentence structure are used in Nguyen Thi Thu Hue short stories creatively with the aim of carrying out a plenty of contents that have rhetorical value. For that reason, we have chosen “Thirty Seven Short Stories” by Nguyen Thi Thu Hue as linguistic material to survey and exploit the rhetorical value of special sentences.

Key words: special sentence; contexts; structure; linguistic material; the rhetorical value of special sentences